TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày: 22- 3- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Đệ

Ông Dương Xuân Thìn

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Duy Khoa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa*:**

Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/HSST ngày 12/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXXST-HS ngày 08/3/2018 đối với bị cáo:

VŨ VĂN N, sinh năm 1994; HKTT: Thôn C, T.A, thị xã QY, Quảng Ninh. Nơi ở: ĐD, DT, Đ.A, Hà Nội; Nghề nghiệp: Thủ kho; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T. Danh chỉ bản số 461 ngày 30/10/2017 của Công an huyện Đ.A; TATS: Không; Nhân thân: Không có tiền án, tiền sự đã được xóa; Tạm giữ từ 26/10/2017 đến ngày 04/11/2017, tạm giam từ 04/11/2017 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa

* **Nguyên đơn dân sự** : Doanh nghiệp tư nhân TĐ.A

Địa chỉ: Lô CN 6, cụm Công nghiệp N.H, xã N.H, TT, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn D, sinh năm 1959- Chủ doanh nghiệp;

Vắng mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Dương Văn D, sinh năm 1959;

2/ Bà Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1974 (vợ ông D);

Cùng trú tại: số 351 GP, Phường PL, TX, Hà Nội

Đều vắng mặt tại phiên tòa

3/ Anh Vũ Quang N, sinh năm 1996 (em Vũ Văn N)

Trú tại: Thôn C, T.A, thị xã QY, Quảng Ninh

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Vũ Văn N làm công nhân cho Doanh nghiệp tư nhân TĐ.A do ông Dương Văn D làm giám đốc. Đầu năm 2016, N được giao làm thủ kho và quản lý kinh doanh kho hàng tại thôn ĐD, DT, Đ.A, Hà Nội.

Sáng ngày 18/10/2017, chị Vũ Hải V (sinh năm 1986; trú tại: Số 5 ngõ 485 HHT, thị trấn YV, GL, Hà Nội) là kế toán Doanh nghiệp TĐ.A gọi điện thoại yêu cầu N chuyển toàn bộ tiền kho hàng N đang quản lý về tài khoản của doanh nghiệp, N đồng ý.

Đến 09^h00 cùng ngày, N đến xưởng gỗ ĐN của anh Tạ Tuấn Th (sinh năm 1983; trú tại: 875 NGT, phường ĐG, LB, Hà Nội) ở thôn DN, ML, Đ.A, Hà Nội thu tiền mua hàng còn nợ của doanh nghiệp TĐ.A, anh Th hẹn chiều thanh toán trước số tiền 200.000.000đ. Khoảng 14^h00 cùng ngày, N điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha JUPITER V BKS: 30F2- 1250 đến gặp anh Th lấy số tiền 200.000.000đ rồi quay lại kho hàng tại ĐD, DT, mở két lấy thêm số tiền 295.000.000đ để đem ra Ngân hàng BIDV, chuyển vào tài khoản của Doanh nghiệp TĐA. Thấy số tiền 495.000.000đ lớn, biết ông Dương Văn D, bà Nguyễn Ngọc Th (sinh năm 1974; trú tại: số 351 GP, Phường PL, TX, Hà Nội- chức vụ Phó giám đốc, vợ của ông D) hiện đang đi công tác nước ngoài, N nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này. Để thực hiện mục đích, N nảy sinh ý định dựng lên thông tin bị cướp tài sản với thủ đoạn bị gây mê để hợp thức hóa việc chiếm đoạt tài sản.

Khoảng 14^h15 cùng ngày, N điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS: 30F2- 1250 tìm địa điểm phù hợp để tạo dựng hiện trường vụ cướp tài sản. Thấy bờ đê ML thuộc DV, ML, Đ.A vắng người qua lại nên N chọn địa điểm này. N về nhà trọ của doanh Nghiệp tư nhân TĐ.A tại thôn ĐD, DT, Đ.A, Hà Nội (do ông D mua cho công nhân ở) cất giấu số tiền 495.000.000đ vào tủ cá nhân. Sau đó, N quay về kho hàng giả vờ kêu khóc gây sự chú ý cho công nhân đang làm việc. Thấy vậy, anh Lục Anh T (sinh năm 1984; trú tại: VĐ, TH, TT, Hà Nội) và anh Vũ Kiêm Ph (sinh năm 1982; trú tại: ĐX, TQ, NG, Hải Dương) đều là công nhân của Doanh nghiệp đến hỏi "N bị làm sao thế". N nói "em bị thôi miên mất hết tiền rồi". Anh T hỏi "thế bị mất tiền thế nào?". N nói "đang trên đường mang số tiền 495.000.000đ ra Ngân hàng chuyển tiền về tài khoản của Doanh nghiệp khi đang đi bị một đôi nam nữ vượt lên hỏi đường về CĐ sau đó em không biết gì hết, khi tỉnh dậy phát hiện mất

hết số tiền để trong cốp xe máy, bây giờ em không biết làm thế nào". Anh Ph gọi xe tacxi đưa N đến Bệnh viện đa khoa ĐG khám rồi cùng anh T đến Đồn Công an NĐA trình báo bị Cướp mất số tiền 495.000.000đ và báo cho ông D và bà Th biết. Tại Cơ quan công an, N khai bị chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gây mê và xác định hiện trường nơi xảy ra tại ven đường quốc lộ 3 hướng Thị trấn Đ.A đi CĐ thuộc thôn DN, ML, Đ.A, Hà Nội.

Nghi ngờ N là người chiếm đoạt số tiền của mình, ngày 20/10/2017 ông D và bà Th bảo chị Bùi Thị H (sinh năm 1983; trú tại: TH, HĐ, CM, Hà Nội – kế toán Doanh nghiệp tư nhân TĐ.A) đến kho hàng yêu cầu N giao nộp điện thoại di động mà Doanh nghiệp trang bị cho N đồng thời kiểm kho và niêm phong kho bàn giao lại cho chị H quản lý.

Biết ông D, bà Th đã về nước và nghi ngờ N chiếm đoạt tiền, sáng 24/10/2017, N cho toàn bộ số tiền 495.000.000đ vào ba lô bỏ trốn về phòng thuê trọ của anh Trần Văn K (sinh năm 1984; trú tại: thôn C, T.A, thị xã QY, Quảng Ninh) tại thôn TT, DH, TP.CP, Quảng Ninh ở. Buổi chiều cùng ngày, N mang số tiền 300.000.000đ về nhà tại thôn C, T.A, thị xã QY, Quảng Ninh cất giấu tại chuồng gà rồi quay lại phòng trọ của anh K xin ngủ nhờ. Sáng ngày 25/10/2017, N ra quốc lộ 18 để đón xe ô tô bỏ trốn. Khi đi, N để quên một bộ quần áo bên trong cất giấu số tiền 185.500.000đ tại phòng trọ của anh K. N gọi điện thoại cho anh K nhờ mang bộ quần áo ra bến xe giúp, anh K phát hiện có tiền nên gọi cho N hỏi "tại sao mày để tiền ở chỗ anh mà không nói gì với anh, tiền gì mà nhiều thế". N nói "em cầm tiền hàng của Công ty, anh mang ra bến xe giúp em để em đi Hà Nội". Anh K mang tiền ra cho N thì N gọi lại cho anh K nói "anh giữ hộ em số tiền đó, mai em về lấy", anh K nói anh mang tiền sang đưa cho bố mày nhé". Bị can N nói "anh cứ giữ hộ em, đừng đưa cho bố em". Anh K đem tiền về nhà cất.

Ngày 25/10/2017, N sử dụng điện thoại di động số thuê bao 01636889829 nhắn tin đến số thuê bao 0915556898 của ông D nội dung thừa nhận hành vi của mình và xin ông D tha thứ. Ông D và bà Th đề nghị N về để giải quyết nhưng N bỏ trốn. Ông D và bà Th đã đến Cơ quan điều tra trình báo về việc Nam chiếm đoạt tài sản. Sau đó bà Th gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1970; trú tại: thôn C, T.A, thị xã QY, Quảng Ninh – mẹ đẻ N) thông báo việc N lấy tiền của Doanh nghiệp hiện đang bỏ trốn.

Bà T gọi điện thoại cho N về và đưa N đến nhà ông D và bà Th tại NH, TT, Hà Nội. Tại đây, N thừa nhận với ông D và bà Th "chót lấy số tiền 495.000.000đ, không phải bị cướp tài sản ". Ông D và bà Th hỏi "số tiền hiện để ở đâu". N nói "do thua tiền cá độ bóng đá nên đem tiền đi trả nợ hết và xin ông D cho làm việc để trả

nợ dần và xin ông D và bà Th rút đơn trình báo về". Ông D và bà Th không tin N tiêu hết số tiền nên bảo N đến Cơ quan Công an đầu thú và khai báo thì N bỏ đi.

Ông D và bà Th cùng gia đình tiếp tục gọi điện thoại động viên thì N hẹn gặp tại quốc lộ 18 địa phận TP.Bắc Ninh. Ông D hỏi "Tiền để ở đâu", N nói "để ở chuồng gà ở quê". N gọi điện thoại cho bố là ông Vũ Văn H (sinh năm 1967; trú tại: thôn C, T.A, thị xã QY, Quảng Ninh) ra chuồng gà kiểm tra và thấy số tiền 300.000.000đ. Ông D đưa N về nhà và lập biên bản biên nhận số tiền 300.000.000đ của N. Ông D hỏi "số tiền còn lại để ở đâu". N nói "đã tiêu và trả nợ tiền cá độ bóng đá hết".

Tại Cơ quan điều tra, N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên . N khai việc tạo dựng hiện trường giả chiếm đoạt 495.000.000đ của Doanh nghiệp tư nhân TĐ.A, trong đó số tiền 185.500.000đ đang gửi anh Trần Văn K không phải đã đem trả nợ do thua cá độ bóng đá như đã nói với ông D.

Vật chứng tạm giữ:

- Của Vũ Văn N: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha JUPITER BKS: 30F2 – 1250, số khung 008974, số máy 008974 màu đen – vàng, kèm giấy đăng ký mô tô, xe máy số 079996 mang tên Nguyễn Mạnh T; 01 thẻ căn cước công dân số 022094000610, 01 thẻ ATM do ngân hàng BIDV mang tên Vũ Văn N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu gold, gắn sim số thuê bao 01292119551 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh nước biển, gắn sim số thuê bao 01636889829.

- Của bà Nguyễn Ngọc Th: 01 (một) tờ giấy một mặt in thông tin khám bệnh, một mặt viết bằng mực màu đỏ phần đầu viết nội dung "em không dám đứng trước anh chị, em có lỗi. Em mong anh chị tha thứ cho em! Em xin lỗi anh chị D Thoa"…, phần cuối có chữ ký "em N".

-Của ông Dương Văn D: 01 (một) giấy ghi nội dung tiêu đề "Biên bản giao nhận tiền số tiền 300.000.000đ" đề ngày 25/10/2017.

Anh Trần Văn K giữ giúp số tiền 185.500.000đ, khi nhận tiền N nói với anh K là tiền hàng của Công ty nhờ giữ hộ . Anh K không biết số tiền là do vi phạm pháp luật mà có nên không phạm tội, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với thẻ căn cước công dân số 022094000610, 01 thẻ ATM do ngân hàng BIDV mang tên Vũ Văn N là giấy tờ cá nhân của N, không liên quan đến vụ án. Ngày 30/01/2018, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trả cho bà Nguyễn Thị T mẹ đẻ N.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu gold gắn sim số thuê bao 01292119551 và điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh nước biển, gắn sim số thuê bao 01636889829 Nam sử dụng để nhắn tin cho ông D và chị H việc bị

cướp tài sản nhằm chiếm đoạt tài sản là phương tiện thực hiện phạm tội chuyển Tòa án nhân dân huyện Đ.A giải quyết.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha JUPITER V BKS: 30F2- 1250 và giấy đăng ký mô tô, xe máy số 079996 tạm giữ của Vũ Văn N. Tra cứu chiếc xe máy nêu trên không nằm trong dữ liệu vật chứng . Ngày 18/10/2017, N sử dụng chiếc xe máy làm phương tiện thực hiện việc tạo hiện trường giả để chiếm đoạt tiền của ông D nên chuyển Tòa án nhân dân huyện Đ.A giải quyết.

Về phần dân sự : Ông D và bà Th đã nhận được 495.000.000đ do N và gia đình N trả lại. Hiện ông D và bà Th không đề nghị bồi thường về dân sự, đề nghị xử lý N theo quy định pháp luật.

- Vật chứng gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha JUPITER BKS: 30F2- 1250, kèm giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Mạnh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu gold, gắn sim số thuê bao 01292119551 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh nước biển, gắn sim số thuê bao 01636889829 chuyển Tòa án nhân dân Đ.A giải quyết theo thẩm quyền.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A đã truy tố Vũ Văn N về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.A giữ quyền công tố luận tội và tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Vũ Văn N từ 06 năm đến 07 năm tù .

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì bị cáo đang bị tạm giam.

- Về dân sự: Không phải giải quyết.

- Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung công: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha JUPITER BKS: 30F2- 1250, kèm giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Mạnh Tuấn; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu gold, gắn sim số thuê bao 01292119551 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh nước biển, gắn sim số thuê bao 01636889829.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn N khai nhận toàn bộ nội dung vụ việc phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Vũ Văn N được sự tin tưởng của ông Dương Văn D- Giám đốc doanh nghiệp tư nhân TĐ .A, giao cho làm thủ kho, đi thu thu tiền hàng của khách và quản lý số tiền thu sau đó chuyển vào tài k hoản của Doanh nghiệp. Ngày 18/10/2017, tại thôn ĐD, DT, Đ.A, Hà Nội bị cáo Vũ Văn N đi thu tiền hàng của khách và quản lý số tiền thu được là 495.000.000 đồng. Theo quy định sau khi thu được tiền, N phải chuyển vào tài khoản của Doanh nghiệp, nhưng N đã nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt số tiền này nên đã nghĩ ra thủ đoạn gian dối nại ra việc bị đánh thuốc mê và bị cướp tài sản để chiếm đoạt số tiền 495.000.000 đồng của doanh nghiệp T.Đ.A.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vi phạm khoản 3, Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/QH13, xác định tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là nhẹ hơn, vì vậy, áp dụng Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo là phù hợp.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ và gây mất lòng tin trong nội bộ và giữa lãnh đạo, quản lý với nhân viên. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật ngăn cấm, nhưng do tham lam tư lợi khi cầm trong tay số tiền lớn nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, vì vậy bị cáo đã tự dựng lên chuyện bị thôi miên và cướp mất số tiền, hòng che đậy hành vi chiếm đoạt tài sản của mình mà không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Doanh nghiệp. Bị cáo đã chia số tiền chiếm đoạt được để cất giấu, tiêu xài và bỏ trốn khỏi nơi làm, nơi cư trú. Số tiền bị cáo N chiếm đoạt rất lớn. Vì vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã mội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo N sau khi được gia đình và giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TĐ.A khuyên giải nên đã đầu thú; Đã tác động đến gia đình để em trai bối thường giúp bị cáo số tiền còn thiếu của Doanh nghiệp tư nhân TĐ.A; tại cơ quan

điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã có thời gian tham gia quân đội. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2] Về những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Đánh giá về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, không có ai khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, nhưng xét thấy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù thời gian dài nên không áp dụng hình phạt này đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Toàn bộ thiệt hại của Doanh nghiệp tư nhân TĐ.A đã được thu hồi và bồi thường đầy đủ. Anh Vũ Quang N không yêu cầu gì về số tiền bồi thường thay cho bị cáo N. Không ai có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, nên không phải giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung công 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha JUPITER BKS: 30F2- 1250, kèm giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Mạnh T; và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh nước biển, gắn sim số thuê bao 01636889829 vì đây là các công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng khi phạm tội; Riêng 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu gold, gắn sim số thuê bao 01292119551 trả lại bị cáo N. Vì trong quá trình N nhắn tin gửi ông D trả lời về việc ông D nghi ngờ N trộm cắp tài sản thì không sử dụng, phù hợp lời khai của ông D.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo **Vũ Văn N** đã phạm tội: " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử phạt: **Vũ Văn N 06 (sáu)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2017.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung công: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha JUPITER BKS: 30F2 – 1250, kèm giấy đăng ký mô tô, xe máy số 079996 mang tên Nguyễn Mạnh T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh nước biển, gắn sim số thuê bao 01636889829; Trả lại bị cáo Vũ Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu gold, gắn sim số thuê bao 01292119551 (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.A và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.A ngày 21/02/2018).

- Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Án xử công khai, sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần dân sự có liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKS huyện Đ.A..
- Công an huyện Đ.A.
- Chi cục THADS huyện Đ.A.
- TAND thành phố Hà Nội
- Bị cáo.
- Người tham gia tố tụng (vắng mặt).
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Oanh